SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
CẢNG ĐÌNH VŨ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.

Số: 22 /QĐ - HĐQT

Hải Phòng, ngày 22 tháng 04 năm2010

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ
(V/v Ban hành Quy chế Quản trị Công ty)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 của Quốc hội.
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc hội.
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động ngày 09/04/2009 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ.
- Căn cứ Quy chế Quản trị Công ty mẫu áp dụng cho các Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán ban hành kèm theo Quyết định số 12/2007/QĐ-BTC ngày 13/03/2007 của Bộ Tài chính.
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên ngày 22/04/2010.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ được Đại hội Cổ đông thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2010.

Điều 2: Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 04 năm 2010.

Điều 3: Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc điều hành Công ty, các đơn vị trực thuộc và các Cổ đông Công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

SĐKKD: 0203000364-CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CẢNG ĐÌNH VŨ
Q. HẢI AN T.P HẢI PHÒNG

Dương Thanh Bình

Nơi nhận:
- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM
- Như Điều 3
- Công đoàn C.ty
- Lưu HĐQT, TCTL-HC

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG. 3

Điều 1: Những quy định chung. 3

Điều 2: Giải thích thuật ngữ. 3

CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG. 4

Điều 3: Quyền của cổ đông. 4

Điều 4: Điều lệ công ty và quy chế nội bộ về quản trị công ty. 5

Điều 5: Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn. 6

Điều 6: Họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường. 6

Điều 7: Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông. 9

Điều 8: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội cổ đông. 10

CHƯƠNG III: THÀNH VIÊN HỘI **ĐỒNG** QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ. 10

Điều 9: ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị 10

Điều 10: Tư cách thành viên Hội đồng quản trị. 11

Điều 11: Thành phần Hội đồng quản trị. 11

Điều 12: Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên HĐQT. 11

Điều 13: Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT. 12

Điều 14: Họp Hội đồng quản trị. 14

Điều 15: Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. 14

Điều 16: Thư ký Công ty. 14

Điều 17: Thù lao của Hội đồng quản trị. 15

CHƯƠNG IV: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT. 15

Điều 18: Tư cách thành viên Ban kiểm soát. 15

Điều 19: Thành phần Ban kiểm soát. 15

Điều 20: Quyền tiếp cận thông tin và tính độc lập của thành viên Ban kiểm soát. 15

Điều 21: Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát. 16

Điều 22: Thù lao của Ban kiểm soát. 16

CHƯƠNG V: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY. 17

Điều 23: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc. 17

Điều 24: Giao dịch với người có liên quan. 18

Điều 25: Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến công ty. 18

CHƯƠNG VI: ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY. 19

Điều 26: Đào tạo về quản trị Công ty. 19

CHƯƠNG VII: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH. 19
Điều 27: Công bố thông tin thường xuyên. 19
Điều 28: Công bố thông tin về quản trị Công ty. 19
Điều 29: Công bố thông tin về các cổ đông lớn. 20
Điều 30: Tổ chức công bố thông tin. 21
CHƯƠNG VIII: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM. 21
Điều 31: Báo cáo. 21
Điều 32: Giám sát. 21
Điều 33: Xử lý vi phạm. 21
CHƯƠNG IX: SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY. 22
Điều 34: Sửa đổi quy chế quản trị Công ty. 22
CHƯƠNG X: NGÀY HIỆU LỰC. 23
Điều 35: Ngày hiệu lực. 23

CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh.

- Quản trị Công ty là tập hợp những quy chế được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và vận dụng những thông lệ quốc tế tốt nhất về Quản trị Công ty phù hợp với điều kiện của Việt Nam, thông qua đó Công ty điều hành và kiểm soát nhằm đảm bảo lợi ích tốt nhất của Cổ đông và quyền lợi của những người liên quan đến Công ty, đồng thời đảm bảo sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán và góp phần lành mạnh hóa nền kinh tế.

- Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về Quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; Đồng thời tạo lập một khuôn khổ cho các mối quan hệ giữa các Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và những người liên quan khác của Công ty. Trong đó các nguyên tắc quản trị Công ty đặt ra các quy trình, thủ tục ban hành các quyết định điều hành trong Công ty, nhằm giảm thiểu rủi ro, nâng cao hiệu quả và đảm bảo tính minh bạch đối với các hoạt động của Công ty.

- Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ.

Điều 2: Giải thích thuật ngữ.

*1. **Những từ dưới đây được hiểu như sau**:*

a. "Quản trị Công ty" là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của Cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị bao gồm:

+ Tuân thủ các quy định hiện hành của Pháp luật.

+ Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả.

+ Đảm bảo quyền lợi của Cổ đông.

+ Đối xử công bằng giữa các Cổ đông.

+ Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

+ Minh bạch trong hoạt động của Công ty.

+ Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.

b. "Công ty niêm yết" là Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển Cảng Đình Vũ (sau đây gọi tắt là Công ty) được chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán /Trung tâm Giao dịch chứng khoán.

c. "Người có liên quan" à cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán.

d. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập là thành viên Hội đồng Quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc Cổ đông lớn của Công ty.

e. Cán bộ quản lý cấp cao: Gồm Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.

f. "Cổ đông lớn" là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành.

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3: Quyền của Cổ đông.

Các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Cổ đông được quy định tại Điều lệ Công ty và có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định liên quan khác của pháp luật Việt Nam, cụ thể:

1. Tham gia các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền.
2. Nhận cổ tức.
3. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
4. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công ty. Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, đồng thời phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông khi cổ đông có yêu cầu.
5. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỉ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu.
6. Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
7. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết khác theo quy định của pháp luật.

8. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại điều 90.1 Luật Doanh nghiệp.
9. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị không thực hiện các quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật nêu trên gây tổn hại đến Công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc phải đền bù cho Công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty bồi thường theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.
10. Cổ đông có quyền từ chối quyền ưu tiên mua trước cổ phần mới chào bán. Điều này được nêu rõ trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
11. Các quyền khác của cổ đông được quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty.
12. Công ty có trách nhiệm xây dựng cơ cấu quản trị Công ty hợp lý, xây dựng hệ thống liên lạc hiệu quả với các cổ đông để đảm bảo:

a. Cổ đông thực hiện đầy đủ các quyền theo pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.
b. Cổ đông được đối xử công bằng.

5. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 4: Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

1. Công ty đã xây dựng Điều lệ Công ty theo Điều lệ mẫu do Bộ tài chính quy định và được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 thông qua ngày 09/04/2009.
2. Công ty xây dựng và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty gồm các nội dung chủ yếu sau:

a. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
b. Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.
c. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị.
d. Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao.
e. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc.

f. Quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Giám đốc và cán bộ quản lý.

Điều 5: Những vấn đề liên quan đến cổ đông lớn.

1. Hội đồng Quản trị Công ty xây dựng một cơ chế liên lạc thường xuyên với các cổ đông lớn.
2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.

Điều 6: Họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên, bất thường.

1. Trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông gồm các nội dung chính sau:

1.1. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.

a. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội.

b. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán/Trung tâm Giao dịch chứng khoán, trên website của Công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi Công ty đóng trụ sở chính.

c. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến cho cổ đông bằng cách gửi tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin.

d. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số Fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số Fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc.

e. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trong trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

f. Các nội dung khác của thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 100 Luật Doanh nghiệp và Điều 34 Điều lệ Công ty.

1.2 . Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

a. Để tạo điều kiện thuận lợi, Ban tổ chức chuẩn bị tốt các khâu phục vụ, từ tài liệu, chỗ ngồi, đến các phiếu biểu quyết… nhằm tổ chức Đại hội đồng cổ đông đạt kết quả cao nhất, tiết kiệm được chi phí, thời gian. Ban tổ chức Đại hội gửi thông báo mời họp kèm theo là mẫu đăng lý tham dự Đại hội đồng cổ đông đến các Cổ đông. Các Cổ đông gửi đăng ký tham dự Đại hội về Ban tổ chức theo quy định của Ban tổ chức. Nội dung đăng ký phải nêu rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần sở hữu đến thời điểm chốt danh sách, địa chỉ, số điện thoại để tiện việc liên lạc khi cần thiết.

b. Các Cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Việc ủy quyền được thực hiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty.

c. Vào ngày Tổ chức Đại hội đồng cổ đông, trước khi Đại hội bắt đầu Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký và kiểm tra tư cách cổ đông và thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt được đăng ký hết và được quy định tại Điều 36.3 Điều lệ Công ty.

1.3. Cách thức bỏ phiếu.

a. Việc bầu cử Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện bằng phiếu bầu cử.

- Nguyên tắc bầu cử:

+ Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, đảm bảo dân chủ công bằng.

+ Bầu cử trực tiếp theo hình thức bỏ phiếu kín.

- Cách thức bầu cử:

+ Việc bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Những ứng viên trúng cử vào Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát là những ứng viên:

* Đạt được số phiếu hợp lệ nhiều hơn tính theo thứ tự số phiếu đạt được từ cao xuống thấp đến tối đa số người trúng cử theo quy định.

* Trường hợp xác định số ứng cử viên đạt phiếu bầu cử hợp lệ theo nguyên tắc trên, theo thứ tự từ trên xuống nhiều hơn số tối đa theo quy định do có nhiều người cùng đạt số phiếu thấp nhất bằng nhau thì Đại hội đồng cổ đông quyết định bầu lại đối với riêng những người đó.

1.4. Cách thức kiểm phiếu.

- Việc kiểm phiếu thông qua Tổ kiểm phiếu do Đại hội bầu ra. Thành viên Ban kiểm phiếu nhất thiết không phải là ứng cử viên hoặc thành viên được đề cử vào Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát Công ty.

- Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

1.5. Thông báo kết quả kiểm phiếu.

Sau khi kiểm phiếu xong, tổ kiểm phiếu có trách nhiệm thông báo kết quả kiểm phiếu cho cổ đông được biết.

1.6. Biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

- Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng sẽ được chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì chủ tọa sẽ chọn những người đó đủ để kiểm phiếu nhanh và chính xác nhưng không dưới ba (3) người.

- Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội.

- Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dư sẽ không bị ảnh hưởng.

1.7. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông ; cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

b. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

1.8. Ghi biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

Chủ tọa Đại hội cử thư ký để ghi chép quá trình diễn biến Đại hội, số lượng Cổ đông tham dự tương ứng số cổ phần và tỉ lệ số cổ phần sở hữu, việc thông qua các báo cáo, phương hướng và các quyết định của Đại hội. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 106 Luật Doanh nghiệp và Điều 39 Điều lệ Công ty.

1.9. Thông báo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được gửi đến cổ đông, ủy Ban Chứng khoán Nhà nước/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán bằng hình thức gửi văn bản, chuyển qua Email. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông báo trên website Công ty, một tờ báo địa phương và một tờ báo trung ương trong ba (3) số liên tiếp.

1.10. Các vấn đề khác thực hiện theo quy định của pháp luật, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Hội đồng Quản trị sắp xếp chương trình nghị sự của Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lý, bố trí thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua người ủy quyền vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có thể ủy quyền cho Hội đồng Quản trị hoặc các tổ chức lưu ký làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp tổ chức lưu ký được cổ đông ủy quyền làm đại diện, tổ chức lưu ký phải công khai nội dung được ủy quyền biểu quyết. Công ty niêm yết phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.

4. Kiểm toán viên hoặc đại diện Công ty kiểm toán có thể được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề kiểm toán.

5. Nhằm tăng cường hiệu quả của các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải cố gắng tối đa việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất.

6. Hàng năm Công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

7. Công ty quy định trong Điều 38 Điều lệ Công ty các nguyên tắc, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7: Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông.

Hàng năm Hội đồng quản trị phải lập báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông, báo cáo thường niên của Hội đồng quản trị phải có các nội dung sau:

- Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính.
- Hoạt động của Hội đồng quản trị.
- Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Hội đồng quản trị.
- Kết quả giám sát đối với Giám đốc điều hành.
- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý.
- Các kế hoạch dự kiến trong tương lai.

Điều 8: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông.

Hàng năm ban kiểm soát phải lập báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông, báo cáo thường niên của Ban kiểm soát tối thiểu phải có các nội dung sau:

- Hoạt động của Ban kiểm soát.
- Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Ban kiểm soát.
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
- Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý.
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Cổ đông.

CHƯƠNG III
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 9: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị.

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (Trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông một khoảng thời gian hợp lý để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu.

2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực nếu được trúng cử.

3. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng được đề cử một (01) thành

viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai (02) thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba (03) thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn (04) thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

4. Trường hợp các ứng viên Hội đồng Quản trị không thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo phương thức dồn phiếu.

Điều 10: Tư cách thành viên Hội đồng Quản trị.

1. Thành viên Hội đồng quản trị là những người mà Pháp luật và Điều lệ Công ty công nhận hợp lệ theo quy định. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là Cổ đông của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của trên năm (5) Công ty khác.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm nhiệm chức Giám đốc điều hành Công ty trừ khi việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp được quy định tại Điều 41.4 Điều lệ Công ty.

5. Để đảm bảo có sự tách biệt giữa vai trò giám sát và điều hành Công ty, Công ty hạn chế số thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm chức vụ trong bộ máy điều hành của Công ty.

Điều 11: Thành phần Hội đồng Quản trị.

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người, trong đó khoảng một phần ba tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên độc lập không điều hành.

2. Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, bị cách chức hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm người khác thay thế. Thành viên Hội đồng Quản trị thay thế trong trường hợp này phải được biểu quyết thông qua Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 12: Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên HĐQT.

1. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tối cao của Cổ đông và của Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

3. Các thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan khi thực hiện mua hay bán cổ phần của Công ty phải báo cáo ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và thực hiện công bố thông tin về việc mua bán này theo quy định của Pháp luật.

4. Công ty có thể mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên Hội đồng Quản trị sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Tuy nhiên, bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 13: Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị.

1. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm trước các Cổ đông về hoạt động của Công ty, thực hiện chức năng định hướng chiến lược, giám sát thực hiện chiến lược phát triển của Công ty.

2. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty, tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả Cổ đông và quan tâm tới lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

3. Trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ cụ thể của Hội đồng Quản trị được quy định trong Điều 42 Điều lệ Công ty.

4. Hội đồng Quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị gồm các nội dung chủ yếu sau:

a. Trình tự thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễm nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT:

- Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị.
- Cách thức đề cử và ứng cử người vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị của các nhóm Cổ đông có đủ tiêu chuẩn đề cử theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị.
- Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.
- Thông báo bầu, miễm nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.

b. Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị:

- Thông báo họp Hội đồng Quản trị (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp).

- Điều kiện hiệu lực của cuộc họp Hội đồng Quản trị.

- Cách thức biểu quyết.

- Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

- Ghi biên bản họp Hội đồng Quản trị.

- Thông qua biên bản họp Hội đồng Quản trị.

- Thông báo nghị quyết họp Hội đồng Quản trị.

5. Hội đồng Quản trị xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao gồm những nội dung chủ yếu sau:

- Các tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ quản lý cấp cao.

- Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý cấp cao.

- Ký Hợp đồng lao động với cán bộ quản lý cấp cao.

- Các trường hợp miễn nhiệm cán bộ quản lý cấp cao.

- Thông báo bổ nhiệm, miễm nhiệm cán bộ quản lý cấp cao.

6. Hội đồng Quản trị xây dựng quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc gồm những nội dung chủ yếu sau:

- Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc.

- Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

- Các trường hợp Giám đốc điều hành và đa số thành viên Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng Quản trị.

- Báo cáo của Ban Giám đốc với Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

- Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng Quản trị với Ban Giám đốc.

- Các vấn đề Ban Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát.

- Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và các thành viên Ban Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nói trên.

7. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý.

8. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm lập báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

Điều 14: Họp Hội đồng Quản trị.

1. Hội đồng Quản trị tổ chức họp theo đúng trình tự họp được quy định tại Điều 44 Điều lệ Công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng Quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được lập đầy đủ, rõ ràng, có Thư ký và các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản và Biên bản phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 15: Các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng Quản trị, các tiểu ban sẽ thực hiện các nhiệm vụ cụ thể theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2. Đối với tiểu ban kiểm toán phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về kế toán và không phải là người làm việc trong bộ phận tài chính kế toán của Công ty.

3. Hội đồng Quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.

4. Trường hợp Công ty không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng quản trị cử người phụ trách riêng về từng vấn đề như kiểm toán, lương thưởng, nhân sự.

Điều 16: Thư ký Công ty.

1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị của Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng Quản trị phải chỉ định ít nhất một người làm thư ký Công ty. Thư ký Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, Thư ký Công ty không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán hiện đang kiểm toán Công ty.

2. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Ban kiểm soát.

b. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp.

c. Làm biên bản các cuộc họp.

d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

3. Thư ký Công ty phải có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 17: Thù lao của Hội đồng Quản trị.

1. Thù lao Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm và công bố rõ ràng cho Cổ đông.

2. Thù lao của Hội đồng Quản trị được liệt kê đầy đủ trong Thuyết minh báo cáo tài chính được kiểm toán hàng năm.

3. Trường hợp thành viên HĐQT làm kiêm nhiệm chức danh Giám đốc điều hành thì thù lao bao gồm lương của Giám đốc điều hành và các khoản thù lao khác.

4. Thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Công ty đã thanh toán cho các thành viên Hội đồng Quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.

CHƯƠNG IV
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 18: Tư cách thành viên Ban kiểm soát.

1. Thành viên Ban kiểm soát không là những người mà pháp luật và Điều lệ Công ty cấm làm thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là Cổ đông của Công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán, không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán tài chính của Công ty.

3. Thành viên Ban kiểm soát sẽ không còn tư cách thành viên Ban kiểm soát trong các trường hợp được quy định tại Điều 52.4 Điều lệ Công ty.

Điều 19: Thành phần Ban kiểm soát.

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát ít nhất là ba (3) người và nhiều nhất là năm (5) người.

2. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 20: Quyền tiếp cận thông tin và tính độc lập của thành viên Ban kiểm soát.

1. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận với tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị,

Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên Ban kiểm soát.

2. Công ty xây dựng cơ chế đảm bảo thành viên Ban kiểm soát có tính độc lập trong hoạt động và thực thi nhiệm vụ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 21: Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.

1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, cán bộ quản lý Công ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và Cổ đông.

2. Ban kiểm soát họp ít nhất hai lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp và phải được lưu giữ như những tài liệu quan trọng của Công ty nhằm xác định trách nhiệm của mỗi thành viên.

3. Trong các cuộc họp Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, kiểm toán nội bộ và thành viên kiểm toán độc lập tham gia và trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát quan tâm.

4. Ban kiểm soát có thể báo cáo trực tiếp với Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước hoặc các cơ quan quản lý Nhà nước khác trong trường hợp phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý.

5. Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

6. Trách nhiệm và quyền hạn khác của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 53.1 Điều lệ Công ty.

7. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

Điều 22: Thù lao của Ban kiểm soát.

Hàng năm, các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban kiểm soát. Việc tính số thù lao mà các thành viên Ban kiểm

soát được hưởng phải ghi rõ ràng, minh bạch và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng số thù lao thanh toán cho Ban kiểm soát được công bố trong báo cáo thường niên của Công ty và cho Cổ đông.

CHƯƠNG V
NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 23: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc.

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và những người liên quan không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân, không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị những hợp đồng giữa Công ty với chính thành viên Hội đồng Quản trị đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó. Những đối tượng này được tiếp tục thực hiện hợp đồng khi các thành viên Hội đồng Quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và những người có liên quan hoặc bất kỳ pháp nhân nào mà các đối tượng trên có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, kể cả trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị trong giao dịch này chưa được xác định và cho dù đó là lợi ích vật chất hay phi vật chất. Các giao dịch nêu trên phải được trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính và công bố trong báo cáo thường niên.

5. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc điều hành, Cán bộ quản lý hay người có liên quan với các đối tượng trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty để tiết lộ cho người khác hay để tự mình tiến hành các giao dịch có liên quan.

6. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi khác của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và cán bộ quản lý được quy định tại Điều 50 Điều lệ Công ty.

7. Công ty quy định về đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý bao gồm các nội dung chính sau đây:

- Xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá.
- Xây dựng hệ thống khen thưởng và kỷ luật.
- Tổ chức bộ máy đánh giá, khen thưởng kỷ luật.
- Tổ chức thực hiện.

Điều 24: Giao dịch với người có liên quan.

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể. Các điều khoản ký kết, bổ sung sửa đổi, thời hạn hiệu lực, giá cả cũng như căn cứ xác định giá cả của hợp đồng phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc độc quyền các kênh mua và bán, lũng đoạn giá cả.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không được cung cấp những đảm bảo về tài chính cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 25: Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:

a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty và đưa ra quyết định.

b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.

3. Công ty phải quan tâm tới các vấn đề về phúc lợi, bảo vệ môi trường, lợi ích chung của cộng đồng và trách nhiệm xã hội của Công ty.

CHƯƠNG VI
ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 26: Đào tạo về quản trị công ty.

- Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc điều hành Công ty cần tham gia các khóa đào tạo cơ bản về quản trị Công ty do các cơ sở đào tạo có chương trình đào tạo tập huấn liên quan đến quản trị Công ty tổ chức.

- Cán bộ quản lý của Công ty được đào tạo, tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ chuyên môn về thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VII
CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

Điều 27: Công bố thông tin thường xuyên.

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động và sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho Cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Công ty niêm yết phải công bố kịp thời và đầy đủ các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng và đồng thời. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 28: Công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty.

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty trong các kỳ Đại hội đồng cổ đông hàng năm, trong báo cáo thường niên của Công ty, tối thiểu phải bao gồm những thông tin sau:

a. Các thành viên, cơ cấu của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

b. Hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

c. Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành.

d. Hoạt động của các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.

e. Những kế hoạch để tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị của Công ty.

f. Thù lao và chi phí cho thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Giám đốc điều hành và thành viên Ban kiểm soát.

g. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của Công ty của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát, cổ đông lớn và các giao dịch khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc điều hành, Ban kiểm soát và những người có liên quan tới các đối tượng nói trên.

h. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc điều hành và Ban kiểm soát đã tham gia đào tạo về quản trị Công ty.

i. Những điểm chưa thực hiện theo quy định của Quy chế, nguyên nhân và giải pháp.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình biến động cổ đông theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

Điều 29: Công bố thông tin về các Cổ đông lớn.

1. Công ty phải tổ chức công bố thông tin định kỳ về từng Cổ đông lớn gồm các nội dung chủ yếu sau:

a. Tên, năm sinh (cổ đông cá nhân).

b. Địa chỉ liên lạc.

c. Nghề nghiệp (cổ đông cá nhân), ngành nghề hoạt động (cổ đông tổ chức).

d. Số lượng và tỉ lệ cổ phần sở hữu trong Công ty.

e. Tình hình biến động về sở hữu của các cổ đông lớn.

f. Những thông tin có thể dẫn tới sự thay đổi lớn về Cổ đông của Công ty.

g. Tình hình tăng, giảm cổ phiếu, và cầm cố, thế chấp cổ phiếu Công ty của các Cổ đông lớn.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ quý, năm và công bố thông tin về tình hình biến động cổ đông theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

Điều 30: Tổ chức công bố thông tin.

1. Công ty tổ chức công bố thông tin gồm một số nội dung chủ yếu sau:

a. Xây dựng ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

b. Bố trí cán bộ chuyên trách theo dõi và công bố thông tin.

2. Cán bộ chuyên trách về công bố thông tin có thể là Thư ký Công ty hoặc một cán bộ quản lý kiêm nhiệm.

3. Cán bộ chuyên trách công bố thông tin phải là người:

a. Có kiến thức về tài chính kế toán, kỹ năng nhất định về tin học.

b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.

c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định.

d. Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VIII
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 31: Báo cáo.

- Định kỳ hàng năm, cán bộ chuyên trách công bố thông tin Công ty có trách nhiệm phối hợp với Phòng Tài chính - Kế toán Công ty thực hiện báo cáo và công bố thông tin về việc thực hiện Quản trị Công ty theo quy định của Quy chế với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 32: Giám sát.

- Công ty, các cá nhân và tổ chức liên quan, các cổ đông Công ty phải chịu sự giám sát về Quản trị Công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 33: Xử lý vi phạm.

- Công ty vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại Quy chế này về công bố thông tin và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định tại các Điều 27, Điều 28 và Điều 31 Quy chế này sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy

định tại Nghị định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Cá nhân, tổ chức liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại Quy chế này do không công bố thông tin và báo cáo Công ty, gây tổn hại cho Công ty phải chịu trách nhiệm trước Công ty và liên đới trách nhiệm về xử phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán.

- Các trường hợp vi phạm khác, căn cứ theo Nội quy Lao động và các quy định nội bộ về xử phạt của Công ty để xử lý. Việc xử lý vi phạm phải tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, phù hợp với Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ khác.

CHƯƠNG IX
SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 34: Sửa đổi quy chế quản trị Công ty.

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên có hiệu lực thi hành và điều chỉnh các hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG X
NGÀY HIỆU LỰC

Điều 35: Ngày hiệu lực.

1. Bản Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ gồm X chương 35 điều, được Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 nhất trí thông qua ngày 22 tháng 04 năm 2010 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của bản Quy chế này.

2. Quy chế này là văn bản duy nhất và chính thức của Công ty.

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị Công ty phải có chữ ký của chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

T/M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

(Đã ký)

Dương Thanh Bình